

Phiên thứ sáu, ngày 23 tháng 10 năm 2020

VNINDEX:	961.26
Giá trị: 9,460.064 tỷ	11.36(1.2%)
Khối ngoại(ròng):	-232.02 tỷ
HNX-INDEX:	141.7
Giá trị: 732.141 tỷ	0.84(0.6%)
Khối ngoại(ròng):	-2.26 tỷ
UPCOM-INDEX:	63.91
Giá trị: 471.701 tỷ	0.27(0.42%)
Khối ngoại(ròng):	-6.82 tỷ

Thông số vĩ mô:

	Giá trị	%
Giá dầu	40.6	-0.05
Giá vàng	1,911	0.34
Tỷ giá USD/VND	23,178	0.04
Tỷ giá EUR/VND	27,359	-0.38
Tỷ giá JPY/VND	22,155	0.3
LS liên ngân hàng 1 tháng	0.4	27.05
LS TPCP 5 năm	1.2	1.64

(Nguồn: Bloomberg)

Top giao dịch khối ngoại (Tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	86	MSN	-96.2
VIC	73.1	VHM	-83
VNM	10.1	VRE	-45.1
HCM	5.2	CTG	-23.5
FUEVFNVD	4.9	SSI	-17.3

THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

VN-Index đánh dấu tuần thứ sáu tăng điểm liên tiếp. Tuy nhiên, thanh khoản trên cả hai sàn tiếp tục sụt giảm cho thấy sự thận trọng vẫn đang chi phối tâm lý nhà đầu tư. Các chỉ số thị trường biến động tích cực trong tuần qua. VN-Index kết thúc tuần tăng 1.9% đạt mức 961.26 điểm; HNX-Index đóng cửa tuần tăng 1.34% dừng tại 141.7 điểm. Thanh khoản trung bình trên cả hai sàn biến động cùng chiều trong tuần qua. Khối lượng khớp lệnh trung bình trên sàn HOSE đạt gần 364 triệu cổ phiếu/phiên, giảm 7.11% so với tuần giao dịch trước. Sàn HNX đạt trung bình hơn 46 triệu cổ phiếu/phiên, giảm 12.71%. VN-Index tiếp tục có một tuần giao dịch khá lạc quan về điểm số. Chỉ số đã có 4/5 phiên tăng điểm trong tuần qua. Trong đó, gây ấn tượng là hai phiên giao dịch cuối tuần với mức bật tăng mạnh mẽ của VN-Index. Tuy nhiên, thanh khoản lại tiếp tục sụt giảm. Các Large Cap đầu ngành như VIC, VHM, MSN, HPG đồng loạt tăng giá mạnh trong tuần qua giúp VN-Index giữ vững phong độ đi lên, nối tiếp đà tăng của năm tuần liền trước. Ngược lại, GAS, VCB, SAB là các cổ phiếu tác động khá tiêu cực. Điểm nhấn trong tuần qua không thể không nhắc đến nhóm ngành ngân hàng. Hầu hết các cổ phiếu trong ngành đều bật tăng tốt và góp phần dẫn dắt thị trường đi lên. Có thể kể đến như TCB tăng gần 6%, MBB tăng 6%, CTG tăng hơn 2%, VPB tăng hơn 4%, BID tăng hơn 1%... Nhóm thực phẩm - đồ uống biến động lạc quan trong tuần qua. Sắc xanh đồng loạt hiện diện ở nhiều cổ phiếu trong ngành như MSN, VNM, BHN, GTN. Bên cạnh đó, MSN và VNM cùng nằm trong top 5 cổ phiếu tác động tích cực nhất lên thị trường. Nhóm dầu khí có một tuần giao dịch khá ảm đạm. Đa số các cổ phiếu đều diễn biến tiêu cực khi đồng loạt sụt giảm như GAS, PVD, PVB, PLX. Một vài mã khác thì vẫn giao dịch cầm chừng quanh tham chiếu như PVS, PVC, OIL.

Nhà đầu tư nước ngoài: Bán ròng gần 2,426 tỷ đồng trên cả hai sàn. Khối ngoại bán ròng gần 2,441 tỷ đồng trên sàn HOSE và mua ròng hơn 15 tỷ đồng trên sàn HNX.

Cập nhật hàng giá cả thị trường hàng hóa 23/10

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	40.41	-0.57%	-1.70%	0.50%	-23.77%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	42.26	-0.47%	-1.60%	0.00%	-27.18%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	115.24	-0.49%	-1.40%	-0.50%	-23.93%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1908.41	0.23%	0.50%	2.40%	28.03%		PNJ
Bạc	USD/ounce	24.72	0.04%	2.30%	8.50%	40.15%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1065.50	-0.63%	1.50%	4.60%	8.92%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	621.00	-0.28%	-0.70%	13.10%	13.22%		AFX
Sữa	USD /cwt	21.64	0.93%	3.40%	19.10%	25.16%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	221.68	5.71%	16.50%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	14.79	0.07%	2.50%	11.00%	11.04%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	106.70	2.45%	-2.60%	-3.60%	-2.87%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6922.50	-0.99%	2.60%	2.10%	17.73%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	547.20	0.13%	1.40%	2.00%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC	USD/ton	571.78	0.32%	3.00%	2.90%			
Nhôm	USD/ton	1846.50	0.16%	-0.30%	3.90%	7.11%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	117.88	-1.07%	0.70%	-4.70%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	58.90	0.34%	1.90%	-3.80%	-20.51%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 12 tăng 73 US cent lên 42.46 USD/thùng. Dầu thô WTI tăng 59 US cent lên 40.62 USD/thùng.
- Số ca nhiễm Covid-19 đạt kỷ lục mới một ngày tại một số bang của Mỹ và ở Châu Âu, cùng với việc tiếp tục phong tỏa và cấm các hoạt động du lịch nước ngoài của Trung Quốc, tất cả đều báo hiệu nhu cầu nhiên liệu yếu kém.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 1.1% xuống 1,903.16 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn New York giảm 1.3% xuống 1,904.6 USD/ounce.
- Ngân hàng Goldman Sachs dự báo giá vàng ở mức 2,300 USD/ounce trong 12 tháng tới và cho biết các hàng hóa có thể tăng giá vào năm tới.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt trên sàn Đại Liên tăng 0.4% lên 794 CNY (119.14 USD)/tấn.
- Thép thanh giao tháng 1/2021 trên sàn giao dịch kỳ hạn Thượng Hải tăng 0.3% lên 3,642 CNY/tấn và thép cuộn cán nóng tăng 1.1% lên 3,810 CNY/tấn.
- Tồn kho sản phẩm thép hàng tuần tính tới 22/10 của các nhà máy và thương nhân Trung Quốc giảm 4.4% so với tuần trước xuống 20.3 triệu tấn.
- Liên minh Châu Âu đã bắt đầu cuộc điều tra chống bán phá giá đối với các trụ thép sử dụng trong turbin gió nhập khẩu từ Trung Quốc.

Giá cao su

- Hợp đồng cao su giao tháng 3/2021 trên sàn giao dịch Osaka tăng 2.4 JPY hay 1.1% lên 219.8 JPY (2.1 USD)/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn Thượng Hải tăng 50 CNY lên 14,860 CNY (2,227 USD)/tấn.

Giá nông sản

- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn ICE tăng 2.55 US cent hay 2.4% lên 1.067 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn London tăng 28 USD hay 2.2% lên 1,307 USD/tấn.
- Đường thô kỳ hạn tháng 3/2021 trên sàn ICE tăng 0.28 US cent hay 1.9% lên 14.78 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn London tăng 5.7 USD hay 1.4% lên 399.00 USD/tấn.
- Giá gạo Việt Nam 5% tấm tăng lên 485 – 495 USD/tấn trong ngày 22/10 từ mức 485 – 490 USD một tuần trước. Giá gạo Thái Lan 5% tấm giảm xuống 435 – 440 USD từ mức 445 – 480 USD/tấn một tuần trước, do nhu cầu thấp. Tại Ấn Độ, nhu cầu yếu và đồng rupee giảm giá khiến giá gạo đồ 5% tấm giảm xuống 372 – 377 USD/tấn từ mức 376 – 382 USD/tấn.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	110.0	1.4%	1.2	2,165	5.8	8,348	13.2	3.5	49.0%	30.3%
PNJ	Bán lẻ	68.0	-0.3%	1.3	666	3.0	4,592	14.8	3.1	49.0%	22.8%
BVH	Bảo hiểm	55.5	2.2%	1.5	1,791	3.6	1,625	34.2	2.1	28.4%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	29.8	0.7%	0.3	290	0.0	2,729	10.9	0.9	54.4%	8.8%
VIC	Bất động sản	104.0	3.9%	0.8	15,294	7.9	2,336	44.5	4.2	13.8%	9.5%
VRE	Bất động sản	28.4	0.9%	1.1	2,801	15.2	1,057	26.8	2.3	30.6%	8.9%
VHM	Bất động sản	79.5	2.6%	1.2	11,370	20.0	6,686	11.9	3.8	22.0%	36.5%
DXG	Bất động sản	12.2	0.0%	1.4	275	1.9	(151)	N/A	N/A	35.4%	-1.3%
SSI	Chứng khoán	17.9	-0.6%	1.3	468	3.4	1,718	10.4	1.1	50.3%	10.7%
VCI	Chứng khoán	38.4	-0.4%	1.0	276	1.1	3,770	10.2	1.6	26.9%	15.9%
HCM	Chứng khoán	22.1	-0.9%	1.6	293	2.1	1,705	13.0	1.5	48.8%	11.8%
FPT	Công nghệ	53.9	-0.2%	0.8	1,837	6.2	4,280	12.6	2.8	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	51.0	-0.6%	0.4	607	0.0	4,812	10.6	2.7	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	73.5	-0.3%	1.4	6,116	1.9	4,752	15.5	3.0	3.1%	19.7%
PLX	Dầu khí	49.5	0.2%	1.5	2,623	0.5	867	57.1	3.0	16.0%	5.1%
PVS	Dầu khí	13.9	-0.7%	1.5	289	1.7	1,339	10.4	0.5	10.1%	5.2%
BSR	Dầu khí	7.0	-1.4%	0.8	944	0.5	898	7.8	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	103.9	0.2%	0.5	591	0.0	5,405	19.2	4.1	54.8%	21.7%
DPM	Hóa chất	17.2	1.5%	0.4	293	1.6	2,011	8.6	0.8	11.9%	10.4%
DCM	Hóa chất	12.8	1.6%	0.5	295	2.2	709	18.1	1.1	3.3%	5.8%
VCB	Ngân hàng	87.5	1.0%	1.1	14,110	2.5	4,630	18.9	3.5	23.6%	19.7%
BID	Ngân hàng	42.8	-0.3%	1.3	7,484	3.6	2,132	20.1	2.3	17.4%	12.3%
CTG	Ngân hàng	31.8	-0.6%	1.2	5,148	9.2	2,995	10.6	1.5	29.4%	14.6%
VPB	Ngân hàng	25.7	0.4%	1.2	2,724	8.0	4,111	6.3	1.3	23.4%	22.2%
MBB	Ngân hàng	18.9	0.3%	1.1	2,273	5.4	2,995	6.3	1.1	23.0%	20.0%

ACB	Ngân hàng	25.6	0.0%	0.9	2,406	8.9	2,884	8.9	1.8	39.0%	22.6%
BMP	Nhựa	57.4	6.9%	0.8	204	0.6	5,781	9.9	1.9	81.2%	19.5%
NTP	Nhựa	34.5	2.1%	0.4	177	0.1	3,820	9.0	1.6	19.0%	16.0%
MSR	Tài nguyên	17.5	2.9%	0.4	753	0.2	356	49.2	1.4	1.7%	2.9%
HPG	Thép	30.9	4.4%	1.2	4,451	39.1	2,632	11.7	2.0	34.2%	18.1%
HSG	Thép	15.4	-0.3%	1.5	297	7.4	1,767	8.7	1.1	9.4%	13.6%
VNM	Tiêu dùng	110.0	3.1%	0.8	9,994	13.9	4,615	23.8	7.6	58.0%	33.0%
SAB	Tiêu dùng	185.8	0.4%	0.8	5,180	1.4	6,328	29.4	6.5	63.1%	23.7%
MSN	Tiêu dùng	86.0	1.2%	1.1	4,392	12.8	3,255	26.4	4.3	37.0%	13.9%
SBT	Tiêu dùng	15.3	-0.6%	0.9	390	2.0	619	24.7	1.2	5.2%	5.3%
ACV	Vận tải	63.5	2.3%	0.8	6,010	0.6	3,450	18.4	3.8	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	105.3	0.3%	1.1	2,398	3.1	3,480	30.3	3.7	17.5%	12.3%
HVN	Vận tải	25.8	1.0%	1.7	1,591	0.3	(3,871)	N/A	3.2	9.2%	-38.6%
GMD	Vận tải	23.7	1.1%	0.9	306	0.5	1,381	17.2	1.2	49.0%	6.8%
PVT	Vận tải	13.6	-0.7%	1.2	166	0.8	2,076	6.6	0.8	17.7%	13.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	77.9	2.9%	1.0	526	1.8	8,104	9.6	3.7	2.9%	40.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	23.0	0.0%	0.7	448	0.1	1,363	16.9	1.6	7.7%	9.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.0	-1.2%	0.9	265	0.8	1,762	9.1	1.1	6.0%	11.9%
CTD	Xây dựng	56.9	-1.6%	1.0	189	2.8	8,453	6.7	0.5	46.6%	7.9%
CII	Xây dựng	17.6	-0.3%	0.3	182	0.7	1,562	11.2	0.8	32.4%	7.6%
REE	Điện	42.0	0.4%	-1.4	566	0.6	4,780	8.8	1.2	49.0%	14.8%
PC1	Điện	22.6	0.0%	-0.4	157	0.1	2,176	10.4	1.0	14.3%	9.9%
POW	Điện	10.3	-0.5%	0.6	1,049	1.2	933	11.0	0.9	10.1%	8.1%
NT2	Điện	22.6	-0.9%	0.6	283	0.3	2,103	10.7	1.6	19.3%	14.6%
KBC	Khu công nghiệp	14.7	-0.3%	0.8	300	0.7	1,156	12.7	0.7	18.3%	5.8%
BCM	Khu công nghiệp	39.9	0%	1.0	1,796	0.1	#N/A	N/A	2.8	1.8%	#VALUE!

THÔNG KÊ THỊ TRƯỜNG:

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VNINDEX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	104	3.9	3.76	1.76MLN
VHM	79.5	2.58	1.91	5.83MLN
VNM	110	3.09	1.64	2.95MLN
HPG	30.9	4.39	1.23	29.53MLN
VCB	87.5	1.04	0.95	657,830

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX -index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	16.1	2.55	0.58	5.92MLN
NVB	9.2	2.22	0.08	1.93MLN
VCS	77.9	2.91	0.07	532,600
HUT	2.6	4	0.03	715,700
NTP	34.5	2.07	0.03	92,300

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VNINDEX

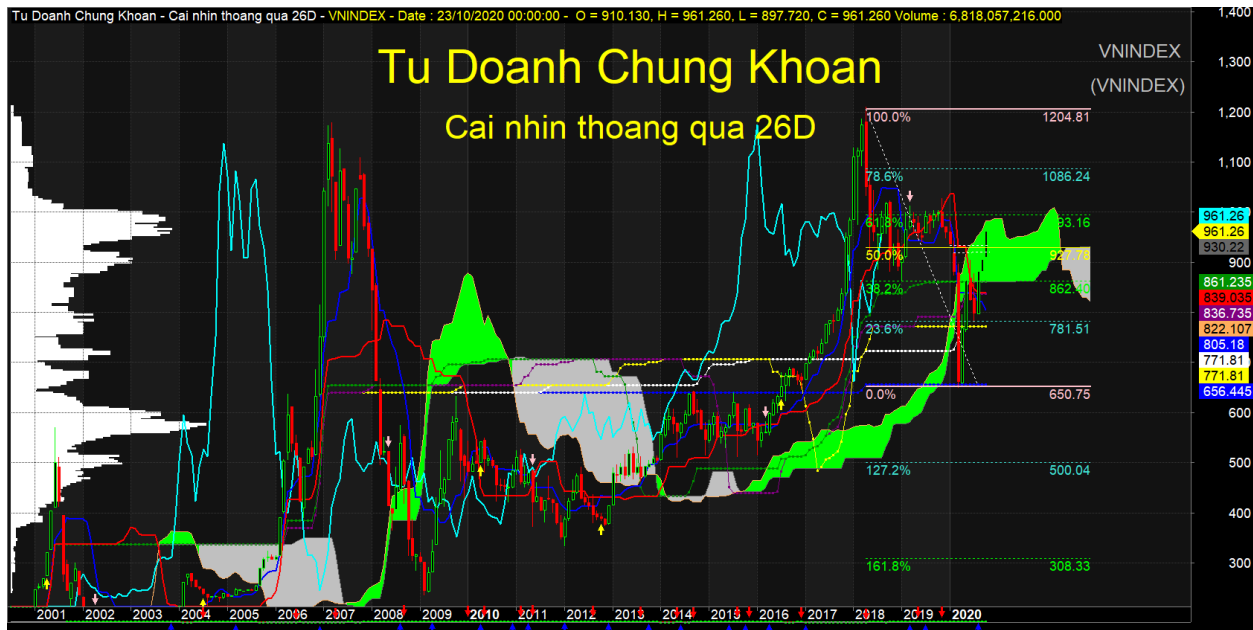
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CTG	31.8	-0.63	-0.21	6.64MLN
BID	42.8	-0.35	-0.17	1.94MLN
TPB	24.65	-2.18	-0.13	2.18MLN
GAS	73.5	-0.27	-0.11	606,780
SBT	15.3	-0.6	-0.1	3.02MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	13.9	-0.71	-0.03	2.89MLN
VCG	43.6	-0.68	-0.02	462,100
LAS	8	-4.76	-0.02	369,400
INN	30.5	-2.87	-0.01	30,900
S99	17.8	-1.11	-0.01	67,800

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT:

Trên đồ thị tháng, VNINDEX đang cho thấy sự mạnh mẽ khi tiếp tục tăng điểm và tiến lên để thoát mây trở thành xu hướng tăng điểm trong dài hạn ở khu vực 995-1000.



Trên đồ thị tuần, VNINDEX chưa cho thấy dấu hiệu suy giảm khi lực cầu vào rất khá mạnh, chỉ số sẽ tiếp tục tiếp cận vùng 980 sau đó.



Trên đồ thị ngắn hạn, VNINDEX vẫn cho thấy sự tăng điểm với dòng tiền được duy trì khá mạnh mẽ. Tuy nhiên dấu hiệu tăng gấp gáp cuối tuần trước đã mở ra 1 khoảng trống gap ngoài

dải bollinger bands mang tên gap suy kiệt, đồng thời chỉ số sức mạnh RSI đang ở vùng quá mua, khả năng chỉ số sẽ tiếp tục sideways tại đây trước khi tiến lên vùng 980.



DỰ BÁO TUẦN 26/10 – 30/10:

Dịch bệnh Cov19 vẫn tiếp tục là chủ đề chính với con số tăng lên hàng ngày đáng báo động, theo thống kê số ca mắc mỗi ngày trên thế giới đã đạt mức báo động đỏ trên 200,000/ngày. Những đơn hàng Vacxin cũng đang được cứu trợ và nghiên cứu thêm. Nền kinh tế các nước đang trở lại với sự cố gắng hồi phục song song với việc kiểm soát dịch bệnh. Gói kích thích kinh tế lần 2 có khả năng sớm đạt được như kỳ vọng và sớm được triển khai. Cả thế giới đang đổ dồn về sự kiện cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ sắp tới vào ngày 3/11, sẽ ảnh hưởng lớn đến chính trị cũng như cách thức điều hành của các chính sách kinh tế.

Trong nước, tình hình lũ lụt khu vực miền Trung gây tổn thất nặng nề và người và của, Chính phủ đang tìm cách khắc phục hậu quả và hỗ trợ cho người dân sau thiên tai. Việc nâng hạng của Kuwait tạo nên sự chú ý dòng tiền của khối ngoại về Việt Nam, các quỹ cận biên mới nổi cũng đang dài ngân rất mạnh vào các tháng cuối năm 2020. Các doanh nghiệp hầu như đã báo cáo xong, tin tức đã phản ánh vào giá.

Dự đoán tuần tới, thị trường sẽ tăng chậm lại, dòng tiền sẽ xoay quanh các nhóm ngành được chú ý bởi dòng tiền khối ngoại. Sóng ngành đang tập trung ở **ngân hàng, bất động sản, vận tải, hóa chất**.

NHỊP ĐẬP THỊ TRƯỜNG (MARKET PULSE)			
Hành động giá của VN-Index vào thứ 6 ngày 23/10/2020			
Thị trường tăng điểm với vol lớn hơn phiên trước và xóa sạch ngày phân phối			
Triển vọng thị trường (Current Outlook)			
Xu Hướng Tăng Được Xác Nhận			
Số Ngày Phân Phối (Distribution days)			
0 ngày phân phối			
	Cao hơn	Thấp hơn	Đánh giá
Số lượng cổ phiếu so với MA50 ngày	127	50	Up trend
Số lượng cổ phiếu so với MA100 ngày	157	22	Up trend

MÃ CP		Close	% Tăng/giảm	KL hôm nay	KL TB 50P	% KL 50P	Vượt đỉnh 52w
NLG	Các công ty đầu cơ và phát triển bất động sản	26.75	0.75	476,190	970,300	49.0%	Vượt đỉnh 52W
DIG	Các công ty đầu cơ và phát triển bất động sản	19.2	-1.03	1,967,510	2,572,029	76.0%	Vượt đỉnh 52W
VRG	Các công ty đầu cơ và phát triển bất động sản	27.1	5.86	68,800	73,292	94.0%	Vượt đỉnh 52W
FPT	Công nghệ phần mềm	53.9	-0.19	2,646,310	1,967,789	134.0%	Vượt đỉnh 52W
SRA	Công nghệ phần mềm	17.8	5.95	918,100	345,762	266.0%	Vượt đỉnh 52W
VND	Công ty Chứng khoán	16	-0.31	677,070	1,212,863	56.0%	Vượt đỉnh 52W
CRE	Dịch vụ bất động sản	26.5	3.72	1,324,240	1,230,216	108.0%	Vượt đỉnh 52W
KOS	Dịch vụ bất động sản	34.4	1.47	481,150	645,455	75.0%	Vượt đỉnh 52W
VSC	Dịch vụ vận tải	42.5	4.42	274,470	329,369	83.0%	Vượt đỉnh 52W
NCT	Dịch vụ vận tải	68.5	0.15	10,210	32,019	32.0%	Vượt đỉnh 52W
DHC	Giấy	48.8	4.72	1,276,810	688,260	186.0%	Vượt đỉnh 52W
GVR	Hóa chất cơ bản - Sản phẩm nhựa, cao su, hóa chất	14.35	0.35	3,363,120	2,546,245	132.0%	Vượt đỉnh 52W
CSV	Hóa chất cơ bản - Sản phẩm nhựa, cao su, hóa chất	30.9	-0.64	795,500	297,840	267.0%	Vượt đỉnh 52W
CSM	Lốp	17.3	4.85	622,360	78,084	797.0%	Vượt đỉnh 52W
STB	Ngân hàng	14.55	-0.34	13,634,620	15,174,235	90.0%	Vượt đỉnh 52W
HDB	Ngân hàng	25.45	0.79	1,969,110	1,436,956	137.0%	Vượt đỉnh 52W
ACB	Ngân hàng	25.6	0	8,022,300	8,519,190	94.0%	Vượt đỉnh 52W
CTG	Ngân hàng	31.8	-0.63	6,636,530	6,610,954	100.0%	Vượt đỉnh 52W
VGI	Quần áo và đồ phụ kiện	8.9	1.14	618,700	250,548	247.0%	Vượt đỉnh 52W
TCM	Quần áo và đồ phụ kiện	24.95	-0.8	897,490	1,175,325	76.0%	Vượt đỉnh 52W
MSN	Sản phẩm thực phẩm	86	1.18	3,419,860	2,257,397	151.0%	Vượt đỉnh 52W
VNM	Sản phẩm thực phẩm	110	3.09	2,946,790	1,573,649	187.0%	Vượt đỉnh 52W
HPG	Thép	30.9	4.39	29,534,980	14,183,810	208.0%	Vượt đỉnh 52W
NTP	Thiết bị vật liệu xây dựng	34.5	2.07	92,300	39,782	232.0%	Vượt đỉnh 52W
CTR	Xây dựng, xây lắp	48.4	1.89	354,900	371,866	95.0%	Vượt đỉnh 52W
DTD	Xây dựng, xây lắp	23.8	2.15	130,100	182,800	71.0%	Vượt đỉnh 52W
VCG	Xây dựng, xây lắp	43.6	-0.68	462,100	485,422	95.0%	Vượt đỉnh 52W

BỘ LỌC CỔ PHIẾU TUẦN QUA:

STT	CK	Thời gian	GIÁ(CLOSE)	KHỐI LƯỢNG
1	ASM	23/10	9.8	3,251,690
2	CCL	23/10	8.19	1,465,340

3	VRE	23/10	28.35	12,351,650
4	CSV	21/10	29.1	809,240
5	VNM	23/10	110	2,946,790
6	DAH	22/10	5.22	634,440
7	DHC	20/10	46.15	416,110
8	DVN	21/10	14.2	668,400
9	GTN*	23/10	24.7	3,185,870
10	HAI	23/10	2.93	5,186,330
11	IDI	23/10	5.56	806,530
12	KDH	23/10	24.4	1,239,270
13	KLF	23/10	1.9	12,674,500
14	VHM*	23/10	79.5	5,830,890
15	VGI*	22/10	28.6	747,700
16	TVB*	21/10	8.54	2,408,310
17	AMD*	22/10	2.83	2,751,360

Chú ý: Dòng tiền tiếp tục lan tỏa độ rộng, các mã penny và được phẩm bắt đầu được dòng tiền chú ý

Hành động:

- Nhà đầu tư ngắn hạn: Có thể tăng tỷ trọng với những mã trong danh mục trên, chú ý những có gắn dấu *, dòng tiền đang tập trung mạnh (*chi tiết xin liên hệ 024 3573 0200 - máy lẻ 808*)
- Nhà đầu tư trung hạn: Tạm dừng giải ngân và quan sát.

Báo cáo này được thực hiện bởi đội ngũ chuyên gia phân tích của công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương – APEC, bài viết chỉ có giá trị tham khảo, APEC không chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với việc sử dụng tài liệu này



Phát hành bởi: Phòng phân tích – Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương – APEC

Chuyên viên phân tích: Nguyễn Xuân Đức

Hội sở chính:

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Tp Hà Nội

Tel: (84-24) 35730200 ext: 808

Fax: (84-24) 35771966

Email: ducnx@apec.com.vn; Website: <http://www.apec.com.vn>